

LỰA CHỌN GIÁ TRỊ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG GIA ĐÌNH NÔNG THÔN – MỘT VÀI PHÂN TÍCH Ở XÃ NÔNG THÔN MỚI TÂN THANH TÂY VÀ TRUNG AN

Phạm Thị Thuỳ Trang⁽¹⁾

(1) Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (VNU – HCM)

Ngày nhận bài 10/6/2022; Ngày phản biện 15/6/2022; Chấp nhận đăng 30/8/2022

Liên hệ Email: trangpham@hcmussh.edu.vn

<https://doi.org/10.37550/tdmu.VJS/2022.04.322>

Tóm tắt

Bình đẳng giới và bất bình đẳng giới là cặp khái niệm quan trọng thu hút sự quan tâm của các nhà quản lý xã hội, các nhà nữ quyền và các nhà nghiên cứu. Tuy nhiên, định kiến giới vẫn còn tồn tại khá phổ biến trong xã hội nói chung, trong cộng đồng nông thôn nói riêng. Bài viết mong muốn kết hợp các kiến thức đã học về giới và vận dụng quan điểm lý thuyết kinh trọng hoá giải nan đề về bình đẳng giới và bất bình đẳng giới trong gia đình nông thôn hiện nay.

Từ khoá: *bất bình đẳng giới, lý thuyết giới, lý thuyết Kinh – Trọng*

Abstract

**SELECTION OF GENDER EQUALITY VALUE IN THE RURAL FAMILY –
SOME ANALYSIS OF THE NEW RURAL VILLAGE IN TAN THANH TAY
AND TRUNG AN**

Gender equality and gender inequality are important concepts that attract the attention of social managers, feminists and researchers. However, gender stereotypes still exist quite commonly in society in general and in rural communities in particular. The article wishes to combine the knowledge learned about gender and apply the theoretical point of view respectfully to solve the problem of gender equality and gender inequality in rural families today.

1. Giới thiệu

Bình đẳng giới và bất bình đẳng giới là cặp khái niệm quan trọng thu hút sự quan tâm của các nhà quản lý xã hội, các nhà nữ quyền và các nhà nghiên cứu. Trong nhiều năm trở lại đây, Việt Nam đã đạt nhiều thành tựu quan trọng về bình đẳng giới. Luật Bình đẳng giới dù đã được xây dựng hướng đến bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ nhưng thực tế vẫn cho thấy việc thực thi chính sách chưa đồng bộ cũng như chưa sát với thực tiễn (Trần Thị Vân Anh và Nguyễn Hữu Minh (chủ biên), 2008).

Ngày nay, vai trò, địa vị của người phụ nữ trong gia đình được đề cao hơn trước. Tuy nhiên, định kiến giới vẫn còn tồn tại khá phổ biến trong xã hội. Dù hiện nay, người phụ nữ đã đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế gia đình, nhưng về cơ bản công việc gia đình, chăm sóc con cái và các thành viên khác vẫn được kỳ vọng do người nữ đảm nhiệm.

Theo các lý thuyết nữ quyền, vấn đề bình đẳng giới và bất bình đẳng giới thường được tiếp cận trên cơ sở phân tích cơ hội giữa nam và nữ trong cách tiếp cận và kiểm soát nguồn lực, vai trò và tiếng nói của từng giới trong gia đình thông qua các hoạt động của đời sống hàng ngày. Tuy nhiên, lý thuyết nữ quyền cũng tồn tại những hạn chế về tính bao quát; một số mâu thuẫn trong lập luận; và một số có tính cực đoan trong việc giải quyết bất bình đẳng giới (Lê Ngọc Văn (chủ biên), 2006).

Trong khi đó, trong quá trình chuyển dịch kinh tế từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp này, các chính sách mở cửa, giao lưu hợp tác trên nhiều khía cạnh khác nhau đã ảnh hưởng cũng như biến động ít nhiều đến các giá trị văn hoá (Tôn Nữ Quỳnh Trân, 1999). Để có thể xác định rõ vấn đề xã hội và các quy luật xã hội, đặc biệt ở cộng đồng nông thôn, đòi hỏi cần có cách tiếp cận mang tính hệ thống, bao quát.

Thông qua quá trình phân tích tổng hợp tài liệu sẵn có của các nghiên cứu trước đây và dữ liệu thu thập được trong chuyến thực tế tại xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi vào tháng 12/2017, bài viết “*Lựa chọn giá trị bình đẳng trong gia đình nông thôn mới hiện nay*” (Nghiên cứu trường hợp tại xã nông thôn mới Tân Thạnh Tây, Củ Chi, TPHCM và xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang) với mong muốn vận dụng quan điểm lý thuyết Khinh – Trọng của Tô Duy Hợp để hoá giải nan đề về bình đẳng giới và bất bình đẳng giới trong gia đình nông thôn hiện nay.

2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết chủ yếu sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích tư liệu sẵn có từ các nguồn internet, từ báo cáo kết quả 5 năm thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 2011-2015 từ các địa phương, niên giám thống kê, ... Ngoài ra, tác giả kết hợp bổ sung dữ liệu định tính (phỏng vấn sâu) qua chuyến khảo sát thực tế tại xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh. Trên cơ sở dữ liệu trên, việc lựa chọn bình đẳng/bất bình đẳng giới trong xây dựng nông thôn mới cần được hoá giải bằng một cách tiếp cận lý thuyết phổ quát và phổ dụng hơn. Từ việc phân tích những biểu hiện giá trị bình đẳng giới của người dân ở nông thôn mới hiện nay, bài viết phân tích sự lựa chọn của người dân về hệ giá trị bình đẳng giới trong quá trình xây dựng gia đình nông thôn mới hiện nay. Trên cơ sở đó, tác giả cũng mong muốn chỉ ra những giá trị bất bình đẳng giới cần được điều chỉnh, cần được phát huy.

2.2. Sự lựa chọn bình đẳng giới/ bất bình đẳng trong phân công lao động gia đình nông thôn mới hiện nay: hỗn hợp giữa bình đẳng giới và bất bình đẳng giới, coi trọng bất bình đẳng giới hơn bình đẳng giới

2.2.1. Trong hoạt động sản xuất

Việc sản xuất – kinh doanh của hộ gia đình diễn ra chủ yếu ở các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, buôn bán, dịch vụ, ... Các hoạt động sản xuất – kinh doanh thường thu hút sự tham gia của các thành viên trong gia đình. Tuy nhiên, mức độ tham gia giữa nam giới và nữ giới thường tùy theo nhóm việc cụ thể.

Kết quả khảo sát tại xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang cho thấy, trong hoạt động trồng trọt, người chồng là người làm nhiều với các công việc đòi hỏi nhiều sức lực như: bón phân (30,4%), làm đất, gieo trồng, phun thuốc (29,6%), thu hoạch (28,1%), làm cỏ (24,8%), bán sản phẩm (19,6%). Trong khi đó, tỉ lệ người vợ đảm nhận việc này thấp hơn rất nhiều.

Bảng 1. Phân công lao động giữa vợ và chồng trong công việc trồng trọt (%)
(Phạm Bích Hà, 2010)

Công việc	Vợ làm nhiều	Chồng làm nhiều
Làm đất	8,5	29,6
Gieo trồng	10,6	29,6
Bón phân	5,6	30,4
Làm cỏ	11,1	24,8
Phun thuốc	3,7	29,6
Thu hoạch	11,5	28,1
Bán sản phẩm	16,3	19,6

Về lĩnh vực chăn nuôi, sự tham gia của người chồng và người vợ lại khác biệt theo hướng ngược lại. Nghĩa là, vợ là người đảm nhiệm chính đối với việc chăn nuôi gia cầm, gia súc và hải sản. Kết quả từ bảng 2 chỉ rõ, phụ nữ có xu hướng tham gia nhiều các hoạt động chăn nuôi vì đây là những công việc không đòi hỏi nhiều sức lực và có phần giống việc nhà. Trong khi tỉ lệ người chồng tham gia chỉ 6,7%, người vợ đảm nhận đến 14,1%. Tương tự ở chăn nuôi gia súc, tỉ lệ lần lượt là 2,6% so với 5,2%. Riêng hoạt động nuôi cá, cua, tôm lại có xu hướng ngược lại – chồng làm nhiều hơn vợ (8,1% so với 4,8%).

Bảng 2. Phân công lao động giữa vợ và chồng trong công việc chăn nuôi (%)
(Phạm Bích Hà, 2010)

Công việc	Vợ làm nhiều	Chồng làm nhiều
Chăn nuôi heo, gia cầm	14,1	6,7
Chăn nuôi gia súc	5,2	2,6
Nuôi tôm, cá cua	4,8	8,1

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, tại khu vực nông thôn Nam Bộ, người phụ nữ thường không phải là người đảm nhiệm chính trong các công việc ruộng đồng. Sự tham gia của phụ nữ trong hoạt động sản xuất tạo thu nhập linh hoạt hơn, nhất là khi bối cảnh kinh tế chính trị xã hội thay đổi, quá trình đô thị hoá ở nông thôn diễn ra.

“Trước đây vợ chồng mình chăn nuôi bò. Giờ thì mình chuyển sang trồng nấm, vợ mình làm công nhân may ở công ty. Công việc trồng nấm gần như mình lo hết vì bà xã đi làm công ty ngày hết 8-10 tiếng rồi, còn thời gian đâu nữa mà làm” (PVS Nam trồng nấm, 37 tuổi, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi).

Sự đề cao nguyên tắc tự trị của kinh tế hộ của hộ gia đình và mối quan hệ với họ hàng bên nội đã tạo cho người vợ có một vai trò vừa quan trọng vừa tể nhị trong hộ gia đình. Trước hết, người vợ là một trong hai lao động trụ cột, sau đó là người đồng sở hữu mọi của cải và sản phẩm do gia đình tạo ra. Người phụ nữ hiện nay do điều kiện cuộc sống, tham gia hoạt động kinh tế bên ngoài gia đình.

“vợ mình làm công nhân, làm trưởng bộ phận, làm 8 tiếng ở xí nghiệp may, lương 8 triệu (bao gồm tăng ca); mình thì ở nhà trồng nấm (mỗi lần thu hoạch trung bình được 50 triệu/3 tháng). Công việc chính là mình làm nghề thú y (lương tháng chỉ được có 1,5 triệu/ tháng thôi. Vậy nên mình mới kiếm việc trồng nấm ở nhà. (PVS Nam trồng nấm, 37 tuổi, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi).

Mặt khác, việc đóng góp kinh tế giữa vợ và chồng để duy trì đời sống vật chất của gia đình cũng là cơ sở đánh giá tình trạng bình đẳng hay bất bình đẳng giới. Kết quả nghiên cứu tại xã Trung An (Mỹ Tho, Tiền Giang) và xã Tân Thạnh Tây (Củ Chi, TPHCM) đều cho thấy, trong bối cảnh hiện nay, khả năng đảm bảo đời sống gia đình từ một nguồn thu nhập là khá khó khăn, cần thiết phải có sự phối hợp của cả vợ và chồng.

“Bây giờ mà một người đi làm nuôi cả nhà thì cũng vất vả lắm. Nhà chị hai vợ chồng đi làm hết mà còn không có dư gì hết. Chị làm công nhân lương thấp lắm. Thu nhập chính trong gia đình đều dựa vào ông xã hết, chị chỉ lo được những thứ lặt vặt trong nhà thôi.” (PVS Nữ 30 tuổi, công nhân, xã Trung An) (Phạm Bích Hà, 2010).

Tuy nhiên, khi so sánh về mức độ đóng góp giữa các thành viên trong gia đình, dường như cá nhân có xu hướng khẳng định vai trò làm chủ của mình. Thông tin định lượng từ bảng 3 cho thấy, ở nhóm nữ là chủ hộ cho biết họ đóng góp cho nguồn thu nhập của gia đình nhiều hơn so với chồng và các thành viên khác (57,3% so với 46,7% chồng đóng góp và 10,6% từ người khác). Tương tự, nhóm nam chủ hộ cũng cho rằng, tỉ lệ đóng góp của mình là 62,7% cao hơn vợ đóng góp (33,0%) và thành viên khác (12,3%).

Bảng 3. Nhận định về người đóng góp thu nhập ở các nhóm gia đình theo giới tính chủ hộ (%) (Phạm Bích Hà, 2010)

Người đóng góp	Vợ chủ hộ	Chồng chủ hộ
Vợ	57,3	33,0
Chồng	46,7	62,7
Thành viên khác	10,6	12,3

Dù vậy, từ bảng 3, cũng có thể thấy, người dân vẫn còn quan niệm chung về vai trò giới truyền thống. Theo họ, người chồng vẫn là người lãnh đạo các công việc trong gia đình là điều tất yếu. Người vợ, dù là chủ gia đình, đóng góp thu nhập nhiều hơn, nhưng

vẫn có phần “tôn trọng”, nhường quyền quyết định các công việc cho chồng vì đơn giản người đó là chồng.

“Dù mình có giỏi bao nhiêu thì vẫn dưới sự lãnh đạo của chồng. Anh ấy là chồng, là chủ gia đình, là cha của các con mình nên mình phải tôn trọng anh ấy” (PVS nữ 34 tuổi, công chức, xã Trung An, Mỹ Tho, Tiền Giang).

Theo cách nghĩ của số đông người dân, khi nam giới là chủ gia đình, là người đóng góp thu nhập chính, người vợ chịu trách nhiệm chăm lo việc nội trợ, chăm sóc con cái và các thành viên khác là chuyện bình thường tất yếu. Nhưng ngược lại, nếu người nữ là chủ gia đình, là người có đóng góp thu nhập chính, họ vẫn luôn được đòi hỏi phải hoàn thành tốt vai trò người vợ, người mẹ bên cạnh việc hoàn thành tốt vai trò ngoài xã hội. Có vẻ như gia đình ngoài việc đóng góp cho sự ổn định xã hội còn là nơi diễn ra sự bất bình đẳng giới.

2.2.2. Trong hoạt động tái sản xuất

Hoạt động tái sản xuất bao gồm hoạt động sinh sản và nuôi dưỡng, bảo đảm việc duy trì và tái tạo sức lao động của lực lượng sản xuất cho hiện tại và tương lai. Nhiều công trình nghiên cứu trước đây về phân công lao động trong gia đình đều có chung một nhận định là phụ nữ vẫn là người đảm nhiệm chính công việc nội trợ như Vũ Tuấn Huy và Deboran (2000), Vũ Mạnh Lợi (2004) và Lê Ngọc Văn (2004), Phạm Bích Hà (2010). Dường như bối cảnh kinh tế xã hội không làm ảnh hưởng nhiều đến khuôn mẫu giới trong gia đình. Người phụ nữ vẫn được gán nhãn chịu trách nhiệm chính trong việc nội trợ.

Kết quả nghiên cứu định lượng từ xã Trung An, Mỹ Tho, Tiền Giang cho thấy, phần lớn các hoạt động đi chợ, nấu cơm, giặt giũ, lau nhà đều do vợ đảm nhận (70-80%). Trong đó, đi chợ chiếm 85,1%, nấu cơm (80,4%), giặt giũ (80,0%) và lau nhà (78,5%). Người chồng tham gia công việc này có vẻ như còn khá khiêm tốn với tỉ lệ lần lượt là đi chợ (7,4%), nấu cơm (7,8%), giặt giũ (5,2%) và lau nhà (7,4%). Đáng lưu ý, thực tế cũng đã có sự chia sẻ công việc nội trợ giữa vợ và chồng (bảng 4, Phạm Bích Hà, 2010).

Bảng 4. Người chủ yếu làm công việc nội trợ (%)

	Đi chợ	Nấu cơm	Giặt giũ	Lau nhà
Chồng	7,4	7,8	5,2	7,4
Vợ	81,5	80,4	80,0	78,5
Cả hai vợ chồng	3,7	5,6	5,9	5,2
Người khác	7,0	6,3	8,9	8,5

Tương tự, những nghiên cứu gần đây cho thấy sự tham gia của người chồng vào công việc này đã tăng lên (Trần Thị Vân Anh và Nguyễn Hữu Minh (chủ biên), 2008). Độ dài hôn nhân càng lớn thì sự tham gia của người phụ nữ càng giảm đối với hầu như tất cả các công việc nội trợ. Bên cạnh đó, sự khác biệt nhất định trong từng nhóm gia đình, cũng như đặc thù công việc cụ thể có thể ảnh hưởng ít nhiều đến sự tham gia của người chồng trong các hoạt động nội trợ.

Theo quan điểm của các cặp gia đình trẻ ở nông thôn, mô hình gia đình hạt nhân chỉ bao gồm vợ chồng và con cái, họ có xu hướng đề cao sự bình đẳng giữa vợ và chồng

trong gia đình hơn. Tùy theo tính chất công việc của vợ và chồng, người chồng có thể đảm nhận công việc như đi chợ, nấu ăn, dọn dẹp, đưa đón con... trở thành bình thường nếu như người vợ phải tham gia vào thị trường lao động bên ngoài xã hội. Điều này có chút khác biệt so với truyền thống, “không gian gia đình” (trong bếp) thường được gắn liền với vai trò của nữ giới.

“Ở đây cũng rảnh gần chết, có mấy bà chạy xe chở đồ đi bán ngang qua luôn nên khỏi ra chợ. Chuyện nấu nướng trong nhà thì mình lo chứ sao. Còn không thì bữa đó ra ăn cơm tiệm cũng gần đây mà. Tại công việc của mình nó chủ động thời gian, cũng nhàn. Thí dụ như người ta muốn chích thuốc thì người ta gọi điện cho mình lại. Mình hẹn chiều, lúc khoảng 5-6 giờ rảnh rảnh thì mình chạy đi chích luôn một vòng. Rồi sáng mai mình chạy một vòng. Rảnh thì coi con, đưa rước thằng nhỏ này nè. Còn vợ thì đi làm cả tuần, chỉ có chủ nhật mới rảnh. Lúc rảnh có khi vợ phụ đóng nắp phụ, có khi bỏ bịch nắm, còn không thì về ngoại chơi. Nhà ngoại cũng gần đây mà.” (PVS nam, 37 tuổi, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, TPHCM).

Tuy nhiên, nhìn chung, trong tương quan với các công trình nghiên cứu về gia đình trước đây, cũng như xã hội Việt Nam truyền thống, mô hình phân công lao động trong công việc nội trợ phần lớn không có nhiều sự thay đổi.

2.2.3. Trong hoạt động cộng đồng

Đối với hoạt động cộng đồng, liệu rằng nam giới và nữ giới có thể tham gia một cách bình đẳng không? Theo Phạm Bích Hà (2010), 64,1% nữ giới trả lời rằng phụ nữ có thể tham gia công tác xã hội bình đẳng như nam giới. Trong khi chỉ có 35,9% nam giới đồng ý về điều này. Có thể nhận thấy khuôn mẫu giới vẫn còn ảnh hưởng khá sâu sắc trong quan niệm của người dân. Kết quả nghiên cứu tại xã Tân Thạnh Tây, Củ Chi, TPHCM cũng tương tự. Trong việc tham gia hoạt động cộng đồng như hiếu hỉ ma chay, họp tổ dân phố đều do người chồng quyết định và tham dự với vai trò tham dự viên, khách mời.

“Tui đi không chứ ai đi. Đám ma, đám cưới, đám giỗ gì cũng tui đi không chứ ai. Vợ nó đi làm cả ngày mà, làm công nhân vậy sao đi được. Mình làm ở đây đi đám tiệc đủ hết, đám ma, đám cưới,...Tuần nào cũng đi 2-3 cái đám. Tại mình đi chích heo, đi vòng vòng nè, chích cho nhà nước mà, nên mình tiếp xúc với dân nhiều. Họ quen thì họ mời. Ở đây đám cưới trung bình mình đi là 300 ngàn, đám ma cũng 200 ngàn. Còn đám giỗ tẻ nhất cũng một thùng bia cũng 2-3 trăm ngàn rồi. Đi làm nhiều khi đi chích heo chỉ đủ tiền đi đám thôi.” (PVS nam xã Tân Thạnh Tây, Củ Chi, TPHCM).

Trong khi đó, các sinh hoạt chung trong họ hàng như đám giỗ hàng năm, người vợ vẫn phải duy trì vai trò giới truyền thống (nấu ăn, dọn dẹp).

“Bà già tui thế hệ trước sống như bà già xưa vậy đó. Bà già muốn con dâu đám tiệc phải phụ lo đám chứ để một mình bà lo là bà chửi đó. Nếu đi làm thì hôm đó xin nghỉ ở nhà để lo phụ nấu nướng với bà già, không thì bà chửi chết.” (PVS nam xã Tân Thạnh Tây, Củ Chi, TPHCM).

Có thể thấy, mối quan hệ vợ chồng trong gia đình nông thôn hiện nay cũng bị tác động của kinh tế thị trường. Trước đây, lao động nông nghiệp chi phối sự hợp tác và phụ thuộc lẫn nhau giữa các thành viên, trong đó có cả vợ và chồng. Hiện nay, mối quan hệ này dần được nới lỏng và xu hướng độc lập càng tăng trong quan hệ kinh tế giữa họ với nhau. Sự phân công lao động này cho phép mỗi cá nhân tự quyết định các công việc làm ăn, miễn là đem lại lợi ích chung trong gia đình. Dù thế, quan hệ vợ chồng vẫn cần có sự phân công nhất định để có sự phối hợp hài hoà các hoạt động kinh tế, đời sống gia đình và đời sống xã hội.

3. Kết luận

Nhìn chung, theo lý thuyết Khinh – Trọng, vai trò giới trong sự phân lao động ở gia đình nông thôn được xây dựng theo mô hình hỗn hợp, nhưng đề cao bất bình đẳng giới hơn bình đẳng giới. Cùng với quá trình xây dựng nông thôn mới hiện nay, thiết nghĩ rằng sự lựa chọn này tuy không còn phù hợp với sự phát triển của xã hội. Điểm thú vị mà nhóm nghiên cứu nhận thấy đó là xu hướng bình đẳng giới trong các gia đình hạt nhân: vợ chồng có thể thay đổi vai trò giới truyền thống trước đây tùy theo bối cảnh thực tế. Điều này có thể nhận ra rằng, việc tác động đến nhận thức người dân về giới có vai trò khá quan trọng để hướng sự lựa chọn của họ tiến đến mô hình dung hoà bất bình đẳng và bình đẳng giới.

Có thể nhận thấy rằng, nông nghiệp, nông dân, nông thôn là vấn đề quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của đất nước, do đó, lĩnh vực tam nông này luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm đầu tư phát triển trong quá trình phát triển kinh tế theo hướng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn đã có sự thay đổi đáng kể trong thời gian qua. Đó là đời sống kinh tế của người dân được nâng cao, thu nhập, tích lũy, chi tiêu tăng lên theo thời gian, cơ sở hạ tầng từng bước được nâng cấp và phát triển... Đạt được những kết quả trên đó là nhờ vào sự nỗ lực to lớn của người dân, sự lựa chọn hợp lý của từng con người để đảm bảo cho sự sinh tồn trong quá trình vận động và phát triển; đồng thời, đó còn là nhờ sự vào cuộc tích cực của các tổ chức Đảng, Đoàn thể, Tổ chức xã hội, Tổ chức quốc tế, ...; và đặc biệt sự phát triển đó đã đi đúng hướng nhờ vào hệ thống chính sách của Đảng và Nhà nước đã tạo ra môi trường thuận lợi, tạo động lực cho sự phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, thay đổi ở khu vực nông thôn cũng bộc lộ một số mặt tiêu cực, đó là cơ sở hạ tầng tăng lên nhưng vẫn chưa thể đáp ứng kịp với tốc độ phát triển dân số nhanh ở nông thôn; đặc biệt là tệ nạn xã hội, ô nhiễm môi trường ở nông thôn đang tăng lên trong quá trình phát triển.

Chính vì vậy, Thành phố nói riêng và các cấp địa phương tỉnh thành nói chung cần có những chính sách hợp lý, hợp tình để tiếp tục phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực đã và đang diễn ra ở nông thôn như hiện nay.

Đồng thời, trong 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới, cần quan tâm hơn nữa trong việc cải thiện môi trường sống, điều kiện sống của cư dân nông thôn theo hướng hiện đại, bền vững, tiến tới nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, kéo giảm khoảng cách chênh lệch giữa nông thôn với đô thị. *Đặc biệt, cần bổ sung các tiêu chí lồng ghép yếu tố giới khi đánh giá kết quả thực hiện xây dựng gia đình văn hoá, góp phần hạn chế bất bình đẳng giới vẫn còn tồn tại ở nông thôn, xoá bỏ bạo lực giới hướng đến mục tiêu bình đẳng giới.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Thế Cường (2012). *Từ điển Xã hội học Oxford* . NXB Đại học Quốc gia Hà Nội .
- [2] Cục Thống kê TPHCM (2010). *Niên giám thống kê*. NXB Thống kê TPHCM.
- [3] Cục Thống kê TPHCM (2016). *Niên giám thống kê 2015*. NXB Thống kê TPHCM.
- [4] Chu Khắc Thuật, Nguyễn Văn Thủ (chủ biên), Mai Quỳnh Nam, Nguyễn Duy Hình, Bùi Xuân Đính, Nguyễn Hồng Quang, Khúc Thị Thanh Vân (1998). *Văn hoá, lối sống với môi trường*. Trung tâm Nghiên cứu và tư vấn về phát triển - NXB Văn hoá Thông tin.
- [5] Lê Ngọc Văn (chủ biên) (2006). *Nghiên cứu gia đình - Lý thuyết nữ quyền - Quan điểm giới*. NXB Khoa học xã hội .
- [6] Lê Thị Chiêu Nghi (2001). *Giới và dự án phát triển*. NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
- [7] Lê Thị Quý (2008). *Giáo trình Xã hội học về Giới* . NXB Giáo dục Việt Nam .
- [8] Phạm Bích Hà (2010). *Bình đẳng giới trong gia đình nông thôn ven đô Nam Bộ*. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQGTPHCM.
- [9] Tô Duy Hợp (2007). *Khinh - Trọng, một quan điểm lý thuyết trong nghiên cứu Triết học và Xã hội học*. NXB Thế Giới.
- [10] Tô Duy Hợp (2012). *Khinh - Trọng. Cơ sở lý thuyết*. NXB Thế Giới.
- [11] Tôn Nữ Quỳnh Trân (1999). *Văn hoá làng xã trước sự thách thức của đô thị hoá tại thành phố Hồ Chí Minh*. NXB Trẻ.
- [12] Tổng Cục Thống kê (2006). *Kết quả điều tra nông nghiệp, nông thôn và thủy sản năm 2006*. NXB Thống kê.
- [13] Trần Thị Quế (chủ biên, 1999). *Những khái niệm cơ bản về giới và vấn đề giới ở Việt Nam*. NXB Thống kê .
- [14] Trần Thị Vân Anh - Nguyễn Hữu Minh (chủ biên, 2008). *Bình đẳng giới ở Việt Nam*. NXB Khoa học xã hội.